

XVIII. PHẨM TƯ TÂM SỞ (*SAÑCETANIYAVAGGA*)

I. KINH VỚI TƯ TÂM SỞ (*Cetanāsutta*)²⁰⁷ (A. II. 157)

171. Đây các Tỷ-kheo, khi nào có hành động về thân,²⁰⁸ do nhân tư tâm sở về thân,²⁰⁹ khởi lên lạc khổ nội tâm. Khi nào có hành động về lời, do nhân tư tâm sở về lời, khởi lên lạc khổ nội tâm. Khi nào có hành động về ý, do nhân tư tâm sở về ý, khởi lên lạc khổ nội tâm. Hay là do vô minh.²¹⁰

Hoặc này các Tỷ-kheo, do tự mình làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, do người khác làm thân hành đối với người ấy, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, tự mình tỉnh giác làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, không có tỉnh giác làm thân hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

Hoặc này các Tỷ-kheo, do tự mình làm khẩu hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, do người khác làm khẩu hành đối với người ấy, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, tự mình tỉnh giác làm khẩu hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, không có tỉnh giác làm khẩu hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

Hoặc này các Tỷ-kheo, do tự mình làm ý hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, do người khác làm ý hành đối với người ấy, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, tự mình tỉnh giác làm ý hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Hoặc này các Tỷ-kheo, không có tỉnh giác làm ý hành, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

Này các Tỷ-kheo, trong những pháp này, có vô minh thấp tùng. Do sự đoạn diệt, ly tham, không có dư tàn của vô minh, thân hành ấy không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy; khẩu hành ấy không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy; ý hành ấy không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy. Thừa ruộng không có, căn cứ không có,

²⁰⁷ *Sañcetanā*. Xem M. III. 207.

²⁰⁸ AA. III. 144 viết *kāye* là *kāyadvāre*, *kāyaviññattiyā*, với cử chỉ chân tay.

²⁰⁹ *Kāyasañcetanāhetu*: Do nhân tư tâm sở, có khả năng làm cho hành động được hình thành.

²¹⁰ *Avijjāpaccayāwā*. AA. III. 144: *Avijjāpaccayāwāti avijjākāraṇeneva* (“Hay là do vô minh” nghĩa là “hay là bởi nhân vô minh”).

xứ không có, duyên sự không có, do duyên này khởi lên lạc khổ nội tâm cho người ấy.

—²¹¹ Nay các Tỷ-kheo, có bốn cách này để được ngã tánh. Thế nào là bốn?

Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở hoạt động, không phải do tư tâm sở của người khác. Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, tư tâm sở của người khác hoạt động, không phải ngã tư tâm sở. Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động. Có cách được ngã tánh, này các Tỷ-kheo, trong cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng không có hoạt động.

Này các Tỷ-kheo, có bốn cách này để được ngã tánh.

Khi được nói vậy, Tôn giả Sāriputta bạch Thế Tôn:

— Bạch Thế Tôn, lời dạy tóm tắt này của Thế Tôn con hiểu ý nghĩa một cách rộng rãi như sau:

Tại đây, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở hoạt động, không phải do tư tâm sở của người khác; do nhân ngã tư tâm sở, có sự mệnh chung từ bỏ thân ấy²¹² của các chúng sanh ấy.

Tại đây, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, tư tâm sở của người khác hoạt động, không phải ngã tư tâm sở;²¹³ do nhân tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung, từ bỏ thân ấy của các chúng sanh ấy.

Tại đây, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng hoạt động; do nhân ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác, có sự mệnh chung, từ bỏ thân ấy²¹⁴ của các chúng sanh ấy.

Tại đây, bạch Thế Tôn, có cách được ngã tánh này, do cách được ngã tánh ấy, ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng không có hoạt động.

Trong trường hợp ngã tư tâm sở và tư tâm sở của người khác cùng không có hoạt động, thời hạng chư thiên nào cần được xem là trong trường hợp này?

— Nay Sāriputta, hạng chư thiên đi đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ cần được xem là trong trường hợp ấy.

— Bạch Thế Tôn, do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mệnh chung từ bỏ thân ấy, đã trở lui lại, đã trở lui lại trong trạng thái này? Do nhân gì, do duyên gì, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi thân hoại mệnh chung, từ bỏ thân ấy, đã không trở lui lại, không trở lui lại trong trạng thái này?

²¹¹ Trong bản tiếng Anh của PTS, đây là kinh 172, *Getting Personality*, nghĩa là *Được ngã tánh*.

²¹² *Chú giải* giải thích đây là trường hợp chư thiên được gọi là *Khiddāpadosikā*, tức chỉ cho chư thiên bị nhiễm lậu hoặc bởi dục lạc. Xem *DB*. I. 32.

²¹³ Đây là những chư thiên bị nhiễm hoặc bởi tâm trí (*Manopadosikā*), chỉ cho chư thiên thuộc Bốn Thiên Vương.

²¹⁴ *Chú giải* giải thích trường hợp này chỉ cho những người tự tử và bị giết.

– Ở đây, này Sāriputta, đối với hạng người năm hạ phần kiết sử chưa đoạn tận, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Vị ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về đây, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thối đoạ, sau khi thân hoại mệnh chung, được sanh cộng trú với chư thiên ở Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ [thân ái],²¹⁵ đã trở lui lại,²¹⁶ trở lui lại trạng thái này.

Ở đây, này Sāriputta, đối với hạng người năm hạ phần kiết sử đã được đoạn tận, vị ấy ngay trong hiện tại, chứng đạt và an trú Phi tướng phi phi tướng xứ. Vị ấy hưởng thọ vị ngọt ấy, có tâm ái luyến, tìm được hạnh phúc trong ấy. An trú ở đây hướng mạnh về đây, sống nhiều với trạng thái ấy, không có thối đoạ, khi thân hoại mệnh chung được sanh cộng trú với chư thiên ở Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Vị ấy mệnh chung, từ bỏ [thân ái] ấy, nhưng không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này.

Này Sāriputta, đây là nhân, đây là duyên, ở đây có hạng chúng sanh, sau khi mệnh chung, từ bỏ thân ấy... đã không trở lui lại, không trở lui lại trạng thái này.

II. KINH PHÂN TÍCH (*Vibhattisutta*)²¹⁷ (A. II. 160)

172. Tại đây, Tôn giả Sāriputta gọi các Tỷ-kheo:

– Thừa các Hiền giả Tỷ-kheo!

– Thừa vâng, Hiền giả.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Tôn giả Sāriputta. Tôn giả Sāriputta nói như sau:

– Thừa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới nửa tháng, Nghĩa vô ngại giải²¹⁸ được chứng ngộ, vừa đặc biệt, vừa theo văn cú.²¹⁹ Vấn đề ấy, với nhiều pháp môn, tôi nói lên, tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ, tôi trình bày, tôi an lập, tôi mở rộng, tôi phân tích, tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy,²²⁰ khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.²²¹

²¹⁵ Chữ *kāya* ở đây có nghĩa là nhóm.

²¹⁶ Xem GS. I. 58: Vì rằng vị ấy bị trói buộc bởi tự ngã, còn các vị Bất Lai chỉ bị trói buộc bên ngoài.

²¹⁷ Tham chiếu: Tăng. 增 (T.02. 0125.29.5. 0656c).

²¹⁸ Bốn pháp của Vô ngại giải (*Atthapaṭisambhida*): Nghĩa (*attha*), Pháp (*Dhammā*), Từ (*Nirutti*: Định nghĩa) và Biện tài (*Paṭibhāna*).

²¹⁹ *Odhiso byañjanaṣo*. AA. III. 149: *Odhisoti kāraṇaso. Byañjanasoti akkharaso* (“Vừa đặc trưng” nghĩa là theo bản chất, theo cách thực hiện. “Vừa theo văn cú” nghĩa là theo câu chữ).

²²⁰ AA. III. 149: *So maṃ pañhenāti so maṃ pañhena upagacchatu. Ahaṃ veyyākaraṇenāti ahamassa pañhakathanena cittaṃ ārādhessāmi* (“Người ấy hỏi tôi” nghĩa là người ấy lại gần hỏi tôi. “Tôi trả lời người ấy” nghĩa là tôi sẽ làm thỏa mãn câu hỏi từ tâm ý của người ấy). S. III. 110: *Ahamovādena ahamanuggahena ahamanusāsaniyā* (Ta giáo giới [cho ông], Ta giúp đỡ [cho ông], Ta giảng dạy [cho ông]).

²²¹ *Dhammānaṃ sukusalo*. Giống như nghĩa *bhagavammūlakā no, bhante, dhammā...pe....* Xem S. II. 24, 80, 198; III. 181. Trong AA. III. 150: *Yo no dhammānaṃ sukusaloti yo amhākaṃ adhigatadhammānaṃ sukusalo satthā, so esa sammukhībhūto* (“Một bậc rất thiện xảo trong các pháp của chúng ta” nghĩa là bậc Đạo sư của chúng ta thiện xảo trong các pháp đã đạt được, người ấy có mặt trước bậc Đạo sư).

Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới nửa tháng, Pháp vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt... tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.

Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới trong nửa tháng, Từ vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt... tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.

Thưa các Hiền giả, sau khi tôi thọ Đại giới nửa tháng, Biện tài vô ngại giải được chứng ngộ, vừa đặc biệt, vừa theo văn cú. Vấn đề ấy, với nhiều pháp môn, tôi nói lên, tôi thuyết giảng, tôi nêu rõ, tôi trình bày, tôi an lập, tôi mở rộng, tôi phân tích, tôi phát lộ. Nếu ai có nghi ngờ gì hay phân vân gì, nào có ích gì người ấy hỏi tôi và tôi trả lời người ấy, khi bậc Đạo sư có mặt trước chúng ta, một bậc rất khéo thiện xảo trong các pháp.

III. KINH MAHĀKOTṬHITA (*Mahākoṭṭhikasutta*)²²² (A. II. 161)

173. Rồi Tôn giả Mahākoṭṭhita²²³ đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Sāriputta những lời chào đón hỏi thăm... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Mahākoṭṭhita thưa với Tôn giả Sāriputta:

– Thưa Hiền giả, sau sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có và không còn có một cái gì khác nữa?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

– Thưa Hiền giả, khi được hỏi: “Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?” Hiền giả nói: “Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.”

Khi được hỏi: “Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không có dư tàn, không còn có một cái gì khác nữa?” Hiền giả nói: “Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.”

Khi được hỏi: “Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xứ không

²²² Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.249. 0059c27).

²²³ Xem A. I. 24, được xem là vị Phân tích đệ nhất.

có dư tàn, còn có và không còn có một cái gì khác nữa?” Hiền giả nói: “Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.”

Sau khi được hỏi: “Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xú không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?” Hiền giả nói: “Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.”

Thưa Hiền giả, như thế nào cần phải hiểu ý nghĩa lời nói này?

– “Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt, ly tham sáu xúc xú không có dư tàn, còn có một cái gì khác nữa?” Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. “Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt... không có dư tàn, không còn có cái gì khác nữa?” Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. “Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt... không có dư tàn, còn có và không còn cái gì khác nữa?” Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận. “Thưa Hiền giả, sau khi đoạn diệt... không có dư tàn, không còn có và không không còn có một cái gì khác nữa?” Nói vậy là khiến trở thành hý luận một vấn đề không phải hý luận.

Thưa Hiền giả, cho đến khi nào có sự đi đến sáu xúc xú, cho đến khi ấy, có sự đi đến hý luận. Cho đến khi ấy, có sự đi đến hý luận, cho đến khi ấy, có sự đi đến sáu xúc xú. Thưa Hiền giả, do sự đoạn diệt, ly tham sáu xúc xú không có dư tàn, hý luận được đoạn diệt, hý luận được tịnh chỉ.

IV. KINH ĀNANDA (*Ānandasutta*)²²⁴ (A. II. 162)

174. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Tôn giả Mahākotṭhita; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Mahākotṭhita những lời chào đón hỏi thăm; sau khi nói lên những lời chào đón hỏi thăm thân hữu, liền ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda thưa với Tôn giả Mahākotṭhita:

– Thưa Hiền giả, do sự đoạn diệt ly tham sáu xúc xú không có dư tàn, có phải còn có vật gì khác?

– Chớ có nói vậy, thưa Hiền giả.

(Như đoạn trên, khi Tôn giả Sāriputta trả lời cho Tôn giả Mahākotṭhita cho đến... “hý luận được tịnh chỉ”).

V. KINH UPAVĀṆA (*Upavāṇasutta*)²²⁵ (A. II. 163)

175. Rồi Tôn giả Upavāṇa đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến, nói với Tôn giả Sāriputta... ngồi xuống một bên...

– Thưa Hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ]²²⁶ nhờ mình hay không?

²²⁴ Trong bản tiếng Anh của PTS, kinh 173 và 174, trình bày liên tục trong mục IV (174), *Kotṭhita*, nghĩa là *Tôn giả Kotṭhita*.

²²⁵ Tham chiếu: *Tap. 雜* (T.02. 0099.251. 0060b22); *Đại Câu-hy-la kinh* 大拘絺羅經 (T.01. 0026.211. 0790b08). Trong S. I. 174, vị này hầu đức Phật và chữa lành bệnh. Trong S. II. 41, vị này được dạy về khổ, v.v...

²²⁶ Theo *Chú giải*, đây chỉ cho người chấm dứt đau khổ.

- Thừa không, này Hiền giả.
- Thừa Hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ hạnh hay không?
- Thừa không, này Hiền giả.
- Thừa Hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ mình và hạnh hay không?
- Thừa không, này Hiền giả.
- Thừa Hiền giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] ngoài mình và hạnh hay không?
- Thừa không, này Hiền giả.
- Khi được hỏi: “Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ mình hay không?” Tôn giả nói: “Thưa không, này Hiền giả.” Khi được hỏi: “Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ hạnh hay không?” Tôn giả nói: “Thưa không, này Hiền giả.” Khi được hỏi: “Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] nhờ mình và hạnh hay không?” Tôn giả nói: “Thưa không, này Hiền giả.” Khi được hỏi: “Thưa Tôn giả Sāriputta, có thể có người chấm dứt [đau khổ] ngoài mình và hạnh hay không?” Tôn giả nói: “Thưa không, này Hiền giả.”

Như thế nào, thưa Hiền giả, [cần phải hiểu] có người chấm dứt [đau khổ]?

– Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] nhờ mình, thời người ấy vẫn là người chấm dứt [đau khổ] với chấp thủ. Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] nhờ hạnh, thời người ấy vẫn là người chấm dứt [đau khổ] với chấp thủ. Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] nhờ mình và hạnh, thời người ấy vẫn là người chấm dứt [đau khổ] với chấp thủ. Này Hiền giả, nếu có người chấm dứt [đau khổ] ngoài mình và hạnh, thời một người phạm phu có thể là người chấm dứt [đau khổ]. Vì, thưa Hiền giả, người phạm phu không có mình và hạnh. Này Hiền giả, người không có hạnh thì không như thật thấy và biết, người có hạnh đầy đủ thì như thật thấy và biết. Khi như thật thấy và biết thì người đó là người chấm dứt [đau khổ].

VI. KINH MONG CẦU (*Āyācanasutta*) (A. II. 164)

176. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: “Mong ta sẽ được như Tôn giả Sāriputta, Tôn giả Moggallāna.”

Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo của Ta, tức là Sāriputta, Moggallāna.

Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo-ni có lòng tin, nếu có chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: “Mong ta sẽ được như Tỷ-kheo-ni Khemā và Tỷ-kheo-ni Uppalavaṇṇā.”

Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ dùng để đo lường các đệ tử Tỷ-kheo-ni của Ta, tức là Khemā và Uppalavaṇṇā.

Này các Tỷ-kheo, nam cư sĩ có lòng tin, nếu chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: “Mong ta sẽ được như gia chủ Citta, và Hatthaka người Ālavī.”

Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nam cư sĩ của Ta, tức là gia chủ Citta và Hatthaka người Ālavī.

Này các Tỷ-kheo, nữ cư sĩ có lòng tin, nếu có chơn chánh mong cầu, hãy mong cầu như sau: “Mong ta sẽ được như nữ cư sĩ Khujjuttarā và Velukaṇḍakī mẹ của Nandā.”

Này các Tỷ-kheo, họ là cán cân, là đồ để đo lường các đệ tử nữ cư sĩ của Ta, tức là nữ cư sĩ Khujjuttarā và Velukaṇḍakī mẹ của Nandā.

VII. KINH RĀHULA (*Rāhulasutta*)²²⁷ (A. II. 164)

177. Rồi Tôn giả Rāhula đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Rāhula đang ngồi một bên:

– Này Rāhula, phàm có nội địa giới gì, phàm có ngoại địa giới gì, đều là địa giới này. Cần phải như thật thấy địa giới ấy với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.” Do thấy như thật [địa giới] này với chánh trí tuệ, vị ấy nhàm chán địa giới. Với trí tuệ, vị ấy tẩy sạch tâm.

Này Rāhula, phàm có nội thủy giới gì, phàm có ngoại thủy giới gì, đều là thủy giới này... phàm có nội hỏa giới gì, phàm có ngoại hỏa giới gì, đều là hỏa giới này... phàm có nội phong giới gì, phàm có ngoại phong giới gì, đều là phong giới này. Cần phải như thật thấy phong giới ấy với chánh trí tuệ rằng: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi.” Do thấy như thật [phong giới] này với chánh trí tuệ, vị ấy nhàm chán phong giới. Với trí tuệ, vị ấy tẩy sạch tâm.

Khi nào, này Rāhula, Tỷ-kheo đối với bốn giới này, không có tùy quán là tự ngã hay thuộc ngã sở, này Rāhula, vị này được gọi là Tỷ-kheo đã cắt đứt ái, đã giải tỏa các kiết sử, đã chơn chánh minh quán kiêu mạn, đã chấm dứt khổ đau.

VIII. KINH HỒ NƯỚC Ở LÀNG (*Jambālīsutta*)²²⁸ (A. II. 165)

178. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời. Thế nào là bốn?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được²²⁹ và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm không phần chấn, không có tịnh tín, không an trú, không giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được có thân diệt. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người lấy tay có dính nhựa cầm một cành cây, tay của vị

²²⁷ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.465. 0118c24).

²²⁸ Tham chiếu: *Tạp. 雜* (T.02. 0099.492. 0128b01).

²²⁹ Một trong tám thành tựu tức Bốn thiện và Bốn không.

ấy sẽ dính vào, nắm lấy, cột vào cành cây ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm không có phần chân, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được có thân diệt.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo chứng đạt và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm vị ấy phần chân, tịnh tín, an trú và giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được có thân diệt. Ví như, này các Tỷ-kheo, một người lấy tay sạch cầm một cành cây, tay của vị ấy không dính vào, không nắm lấy, không cột vào cành cây ấy. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý có thân diệt. Do vị ấy tác ý có thân diệt, tâm vị ấy phần chân, tịnh tín, an trú và giải thoát đối với có thân diệt. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được có thân diệt.

Nhưng ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm không có phần chân, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được phá hoại vô minh. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước đã được nhiều năm, có người đến bịt tất cả các lỗ nước chảy vào, mở ra tất cả các lỗ nước chảy ra, và trời lại không mưa đều đặn. Hồ nước như vậy, này các Tỷ-kheo, không có chờ đợi tức nước vỡ bờ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh. Do vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm không có phần chân, không có tịnh tín, không có an trú, không có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là không có chờ đợi được phá hoại vô minh.

Ở đây, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh. Do vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm có phần chân, có tịnh tín, có an trú, có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được phá hoại vô minh. Ví như, này các Tỷ-kheo, một hồ nước đã được nhiều năm, có người đến mở tất cả các lỗ nước chảy vào và bịt tất cả các lỗ nước chảy ra, và trời lại mưa đều đặn. Hồ nước như vậy, này các Tỷ-kheo, có chờ đợi tức nước vỡ bờ. Cũng vậy, này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo đạt được và an trú một loại an tịnh tâm giải thoát. Vị ấy tác ý phá hoại vô minh. Do vị ấy tác ý phá hoại vô minh, tâm có phần chân, có tịnh tín, có an trú, có giải thoát đối với phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, Tỷ-kheo như vậy là có chờ đợi được phá hoại vô minh. Này các Tỷ-kheo, có bốn hạng người này có mặt hiện hữu ở đời.

IX. KINH NIẾT-BÀN (*Nibbānasutta*) (A. II. 167)

179. Rồi Tôn giả Ānanda đi đến Tôn giả Sāriputta; sau khi đến... Ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda nói với Tôn giả Sāriputta:

– Do nhân gì, thừa Hiền giả Sāriputta, do duyên gì, ở đây, lại có một số chúng sanh ngay trong hiện tại không có chứng nhập Niết-bàn?²³⁰

– Ở đây, này Hiền giả Ānanda, chúng sanh không như thật quán tri: “Các tướng này²³¹ dự phần vào thối đoạ”; không như thật quán tri: “Các tướng này dự phần vào an trú”; không như thật quán tri: “Các tướng này dự phần vào thù thắng”; không như thật quán tri: “Các tướng này dự phần vào thể nhập.” Này Hiền giả Ānanda, đây là nhân, đây là duyên; do vậy, ở đây, có hạng chúng sanh ngay trong hiện tại không chứng nhập Niết-bàn.

– Thừa Hiền giả Sāriputta, do nhân gì, do duyên gì, ở đây, có hạng chúng sanh ngay trong hiện tại chứng nhập Niết-bàn?

– Ở đây, này Hiền giả Ānanda, chúng sanh như thật quán tri: “Các tướng này dự phần vào thối đoạ”; như thật quán tri: “Các tướng này dự phần vào an trú”; như thật quán tri: “Các tướng này dự phần vào thù thắng”; như thật quán tri: “Các tướng này dự phần vào thể nhập.” Này Hiền giả Ānanda, do nhân này, do duyên này, ở đây, có các chúng sanh ngay trong hiện tại chứng nhập Niết-bàn.

X. KINH ĐẠI CĂN CỨ ĐỊA (*Mahāpadēśasutta*)²³² (A. II. 167)

180. Một thời, Thế Tôn trú ở Bhoganagara, tại điện Ānanda. Tại đấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo:

– Này các Tỷ-kheo!

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Này các Tỷ-kheo, Ta sẽ thuyết về bốn đại căn cứ địa này. Hãy nghe và khéo tác ý, Ta sẽ nói.

– Thừa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỷ-kheo ấy vâng đáp Thế Tôn. Thế Tôn nói như sau:

– Và này các Tỷ-kheo, thế nào là bốn đại căn cứ địa?

Ở đây, này các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: “Này Hiền giả, đối diện Thế Tôn, tôi nghe như vậy; đối diện với Thế Tôn, tôi lãnh thọ như vậy: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.’” Này các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng không phù hợp với Kinh,

²³⁰ *Parinibbāyanī*. Xem S. IV. 102, Sakka hỏi đức Phật một câu tương tự, và đức Phật trả lời vì thọ hưởng dục lạc.

²³¹ *Saññā*. Xem D. III. 277; *Vism.* I. 88. Trong các loại định này, các tướng dự phần vào thối đoạ (*hānabhāgiyā*) là do các pháp chống đối thường sanh khởi; các tướng dự phần vào an trú (*thiti*) vì do sự có mặt thường xuyên của niệm xứ hợp với định. Các tướng dự phần vào thù thắng (*visesa*) vì sự chứng đạt các pháp thù thắng. Các tướng dự phần vào thể nhập là do sự tấn công của tướng và niệm tương ưng với nhàm chán. Xem Ps. I. 35.

²³² Tham chiếu: *Tăng*. 增 (T.02. 0125.28.5. 0652b13); *Du hành kinh* 遊行經 (T.01. 0026.2. 0011a07).

không tương ứng với Luật,²³³ thời các ông có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm.” Nay các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng.

Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: “Này Hiền giả, đối diện Thế Tôn, tôi nghe như vậy; đối diện với Thế Tôn, tôi lãnh thọ như vậy: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.’” Nay các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo tốt đẹp.” Nay các Tỷ-kheo, đây là đại căn cứ địa thứ nhất, các ông cần phải thọ trì.

Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, có Tỷ-kheo nói như sau: “Tại trú xứ kia có Tăng chúng ở với vị Thượng tọa, với vị Thủ chúng. Đối diện Tăng chúng ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với Tăng chúng ấy, tôi lãnh thọ như vậy: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.’” Nay các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm.” Nay các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng.

Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: “Tại trú xứ kia có Tăng chúng ở với vị Thượng tọa, với vị Thủ chúng. Đối diện với Tăng chúng ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với Tăng chúng ấy, tôi lãnh thọ như vậy: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.’” Nay các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: “Chắc chắn những lời ấy phải là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh.” Nay các Tỷ-kheo, như vậy là đại căn cứ địa thứ hai, các ông cần phải thọ trì.

Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: “Tại trú xứ kia có nhiều Trưởng lão Tỷ-kheo ở, những vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu. Đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.’” Nay các Tỷ-kheo, các ông

²³³ Ở đây chỉ nói Pháp và Luật, và như vậy chỉ có hai tạng: Kinh và Luật. *Chú giải DA*. II. 566 cố gắng chứng minh Pháp là chỉ cho Kinh tạng và Luậ tạng.

không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm.” Nay các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng.

Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: “Tại trú xứ kia có nhiều Trưởng lão Tỷ-kheo ở, những vị này là những bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu. Đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với các Trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.’” Nay các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: “Chắc chắn những lời ấy là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo chơn chánh.” Nay các Tỷ-kheo, như vậy là đại căn cứ địa thứ ba, các ông cần phải thọ trì.

Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: “Tại trú xứ kia có vị Trưởng lão, vị này là bậc nghe nhiều, được trao truyền kinh điển, bậc trì Pháp, trì Luật, trì Toát yếu. Đối diện với vị Trưởng lão ấy, tôi nghe như vậy; đối diện với vị Trưởng lão ấy, tôi lãnh thọ như vậy: ‘Đây là Pháp, đây là Luật, đây là lời dạy của bậc Đạo sư.’” Nay các Tỷ-kheo, các ông không nên tán thán, không nên hủy báng lời nói của Tỷ-kheo ấy; không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng không phù hợp với Kinh, không tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này không phải lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Tỷ-kheo ấy đã thọ giáo sai lầm.” Và nay các Tỷ-kheo, các ông hãy từ bỏ chúng.

Nhưng ở đây, nay các Tỷ-kheo, nếu có Tỷ-kheo nói như sau: “Tại trú xứ kia có vị Trưởng lão, vị này... không tán thán, không hủy báng, mỗi mỗi chữ, mỗi mỗi câu cần phải học hỏi kỹ lưỡng và đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật. Khi đem so sánh với Kinh, đem đối chiếu với Luật và nếu chúng phù hợp với Kinh, tương ứng với Luật, thời các ông có thể kết luận: “Chắc chắn những lời này là lời dạy của Thế Tôn, bậc A-la-hán Chánh Đẳng Giác và các Trưởng lão ấy đã thọ giáo chơn chánh.” Nay các Tỷ-kheo, như vậy là đại căn cứ địa thứ tư, các ông cần phải thọ trì.

Nay các Tỷ-kheo, có bốn đại căn cứ địa này.